

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01-7-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị

B và anh Tr

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Kim Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Liên

Ông Triệu Văn Giản

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý 131/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Tuyết B, sinh năm 1997; Đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 27/7/244 Văn Cao, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: số 6 Bà Triệu, phường B, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Vũ Văn Tr, sinh năm 1996; Nơi cư trú: số nhà 27/7/244 Văn Cao, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(chị B có mặt tại phiên tòa, anh Tr vắng mặt tại phiên tòa lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình đề ngày 09-3-2020, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trần Thị Tuyết B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N ngày 22-7-2016 và có thời gian tìm hiểu trước khi cưới khoảng 8 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm lối sống, anh Tr không tu chí làm ăn, không chăm lo gia đình và vợ con. Từ đó, vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi vã. Do mâu thuẫn kéo dài nên từ năm 2017 vợ chồng chị đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Tr không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Chị B xác định vợ chồng có một chung là Vũ Trần Bảo Ng, giới tính nữ, sinh ngày 27-02-2015. Hiện nay cháu Ngọc đang ở cùng với chị. Về việc nuôi con: Chị B có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị B xác định vợ chồng không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Vũ Văn Tr đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh Tr không đến Tòa án để làm bản tự khai, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa nên anh Tr không có quan điểm để giải quyết vụ án.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 11-5-2019 tại Ủy ban nhân dân phường V xác nhận: Quá trình chung sống vợ chồng chị B và anh Tr thường xảy ra mâu thuẫn, hiện tại chị B đã bỏ về nhà ngoại ở và vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là Vũ Trần Bảo Ngọc, giới tính nữ, sinh ngày 27-02-2015. Hiện tại cháu Ngọc đang ở cùng với chị B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá: Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, quá trình giải quyết vụ án đã không cung cấp bản tự khai, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, 02 lần vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Như vậy bị đơn đã tự từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử ly hôn giữa chị B và

anh Tr. Về con chung: cháu Vũ Trần Bảo Ng hiện tại đang ở cùng với chị nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị B giao con Vũ Trần Bảo Ngọc cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung và vay nợ: chị B không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Vũ Văn Tr. Tại phiên tòa anh Tr vắng mặt lần 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết B và anh Vũ Văn Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Nam Định năm 2016 nên hôn nhân giữa chị B và anh Tr là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn Chị B và anh Tr sống hòa thuận đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm. Anh Tr không quan tâm và không có trách nhiệm gì với gia đình, vợ con. Do mâu thuẫn kéo dài nên từ năm 2017 vợ chồng chị đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng được ly hôn với anh Tr. Đối với anh Tr, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh Tr không đến Tòa án để viết bản tự khai và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh Tr vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện việc anh Tr không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và việc nuôi con. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh Tr đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa chị B và anh Tr theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tranh chấp nuôi con: Chị B có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy, cháu Ng hiện đang sinh sống ổn định cùng chị B. Anh Tr không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa để trình bày về việc nuôi con cũng như về cấp dưỡng nuôi con. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có căn cứ giao con là Vũ Trần Bảo Ng cho chị Trần Thị Tuyết B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con là

hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị B là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Tuyết B và anh Vũ Văn Tr.

2. Về nuôi con chung: Giao con Vũ Trần Bảo Ng, sinh ngày 27-02-2015(giới tính: nữ) cho chị Trần Thị Tuyết B trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Tuyết B không yêu cầu anh Vũ Văn Tr cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Tuyết B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị Tuyết B đã nộp tại biên lai số 0002846 ngày 23-4-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Tuyết B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Văn Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường V, TP Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi Cục THA dân sự thành phố Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Thị Kim Huế

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Kim Huế

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường Văn Miếu, TP Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi Cục THA dân sự thành phố Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Lương Thị Kim Huế

